

Số: 523 /QĐ-BVĐKT

Thanh Hóa, ngày 12 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng Gói thầu số 2: Mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế bổ sung tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá năm 2026

thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 2: Mua sắm HC, VTXN, TBYT bổ sung tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá năm 2026

thuộc dự toán mua sắm Gói thầu số 2: Mua sắm HC, VTXN, TBYT bổ sung tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá năm 2026

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật đấu thầu ngày 23/6/2023; Luật đấu thầu ngày 29/11/2024 sửa đổi bổ sung một số điều Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công và Luật Đầu thầu; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý thiết bị y tế đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017 của Bộ Y tế về việc ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với vật tư y tế thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia Bảo hiểm y tế; Thông tư số 24/2025/TT-BYT ngày 30/06/2025 của Bộ y tế về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14/5/2024 của Bộ Y tế về việc quy định danh mục thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm được áp dụng hình thức đàm phán giá và quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/08/2025 của Bộ tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng khoa học của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá ngày 27/01/2026.

Căn cứ Quyết định số 352/QĐ-BVĐKT ngày 29/01/2026 về việc phê duyệt dự toán, nguồn vốn, danh mục, số lượng và giá kế hoạch dự kiến gói thầu số 18: Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế bổ sung tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 387/QĐ-BVĐKT ngày 02/02/2026 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm Gói thầu số 2: Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế bổ sung tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 412/QĐ-BVĐKT ngày 03/02/2026 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá về việc phê duyệt E-TBMT Gói thầu số 2: Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế bổ sung tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá năm 2026 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 2: Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế bổ sung tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá năm 2026;

Căn cứ Kết quả chào giá trực tuyến ngày 10/02/2026 trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Biên bản họp Tổ tư vấn đấu thầu ngày 11/02/2026 về việc thống nhất kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 2: Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế bổ sung tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá năm 2026 thuộc dự toán mua sắm Gói thầu số 2: Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế bổ sung tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá năm 2026.

Căn cứ Thư xác nhận chấp thuận trao hợp đồng số LC2600001343 ngày 11/02/2026 trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Tờ trình số 522/TTr-TTVĐT ngày 12/02/2026 về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng Gói thầu số 2: Mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế bổ sung tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá năm 2026.

Xét đề nghị của Tổ tư vấn đấu thầu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của Gói thầu số 2: Mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế bổ sung tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá năm 2026 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu, bao gồm:

1. Thông tin về gói thầu:

- Số E-TBMT: IB2600048634
- Tên gói thầu: Gói thầu số 2: Mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế bổ sung tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá năm 2026 .
- Giá gói thầu hoặc dự toán được phê duyệt (nếu có): 1.093.189.520 VNĐ (Bằng chữ: Một tỷ, không trăm chín mươi ba triệu, một trăm tám mươi chín nghìn, năm trăm hai mươi đồng).
- Tên Chủ đầu tư: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn
- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định
- Thời gian thực hiện gói thầu: Không quá 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

2. Thông tin về nhà thầu trúng thầu:

STT	Tên nhà thầu	Mã định danh	Giá dự thầu	Giá trúng thầu	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
1	Công ty Cổ phần thiết bị vật tư y tế Thanh Hoá	vn28005882	765.005.601	765.005.601	Không quá 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Không quá 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Y tế An Sinh	vn2801615584	8.746.560	8.746.560	Không quá 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Không quá 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
3	Công ty Cổ phần Medcomtech	vn0106223574	300.300.000	300.300.000	Không quá 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Không quá 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	

3. Thông tin về nhà thầu không trúng thầu: Không

4. Thông tin về hàng hoá trúng thầu:

(Chi tiết tại phụ lục 1 kèm quyết định)

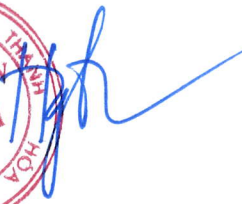
Điều 2. Tổ chức thực hiện: Giao Tổ tư vấn đấu thầu, phòng Tài chính - kế toán và các khoa phòng chức năng liên quan căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức hoàn thiện hợp đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Phòng Kế hoạch tổng hợp, khoa Dược, phòng Tài chính kế toán và các khoa, phòng, trung tâm có liên quan của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá và Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, TTVĐT

GIÁM ĐỐC



Hoàng Hữu Trường

Phụ lục 1 DANH MỤC HÀNG HOÁ

(Kèm theo QĐ số 523/QĐ-BVĐKT ngày 12/02/2026 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa)

Gói thầu số 2: Mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế bổ sung tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa năm 2026

STT phần	STT mặt hàng	Mã phần (tổ)	Tên hàng hoá môi trường	Thông số kỹ thuật môi trường	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Số lượng môi trường	Mã hàng hóa	Tên thương mại trung tâm	Thông số kỹ thuật dự thầu	Quy cách đóng gói	Hạng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng dự thầu	Đơn giá trưng thầu	Nhà Thầu
1		PP2600046635	01. HÓA CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM PHÙ HỢP ĐỂ SỬ DỤNG TRÊN HỆ THỐNG PHÂN TÍCH KHÍ MÀU Cobas B - ROCHE													Công ty Cổ phần thiết bị vật tư y tế Thanh Hóa
	1.1		Dung dịch rửa xét nghiệm khí máu, điện giải.	Dung dịch rửa xét nghiệm khí máu, điện giải. Phù hợp để sử dụng trên hệ thống phân tích khí máu cobas B - ROCHE	Roche Diagnostics International Ltd, Switzerland	27.750	3260917184	03260917184 S1 RINSE SOLUTION N	Dung dịch rửa xét nghiệm khí máu, điện giải. Phù hợp để sử dụng trên hệ thống phân tích khí máu cobas B - ROCHE	2 x 1850 mL	Roche Diagnostics International Ltd.	Switzerland	ml	27.750	2.622	Công ty Cổ phần thiết bị vật tư y tế Thanh Hóa
	1.2		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng 6 thông số điện giải và khí máu. Phù hợp để sử dụng trên hệ thống phân tích khí máu cobas B - ROCHE	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng 6 thông số điện giải và khí máu. Phù hợp để sử dụng trên hệ thống phân tích khí máu cobas B - ROCHE	Roche Diagnostics International Ltd, Switzerland	43.155	3260925184	03260925184 S2 FLUID PACK	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng 6 thông số điện giải và khí máu. Phù hợp để sử dụng trên hệ thống phân tích khí máu cobas B - ROCHE	1 x 2055 mL	Roche Diagnostics International Ltd.	Switzerland	ml	43.155	4.775	Công ty Cổ phần thiết bị vật tư y tế Thanh Hóa

STT phần	STT mặt hàng phần (10)	Mã	Tên hàng hoà môi thần	Thông số kỹ thuật môi thần	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Số lượng môi thần	Mã hàng hóa	Tên thương mại tương thần	Thông số kỹ thuật tự thần	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng dự thần	Đơn giá trung thần	Nhà Thần
	1.3		Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 1.5 thông số điện giải, khí màu và sinh hợp	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 1.5 thông số điện giải, khí màu và sinh hóa mức 1. Phù hợp để sử dụng trên hệ thống phân tích khí màu cobas B - ROCHE	Bionostics Inc., USA	612	3321193001	033211930 01 COMBITR OL+B, L1	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 1.5 thông số điện giải, khí màu và sinh hóa mức 1. Phù hợp để sử dụng trên hệ thống phân tích khí màu cobas B - ROCHE	Hộp 30 ống	Bionostic s Inc.	USA	ml	612	58.800	Công ty Cỏ phân thiết bị vật tư y tế Thanh Hoà
	1.4		Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 1.5 thông số điện giải, khí màu và sinh hợp	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 1.5 thông số điện giải, khí màu và sinh hóa mức 2. Phù hợp để sử dụng trên hệ thống phân tích khí màu cobas B - ROCHE	Bionostics Inc., USA	612	3321207001	033212070 01 COMBITR OL+B, L2	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 1.5 thông số điện giải, khí màu và sinh hóa mức 2. Phù hợp để sử dụng trên hệ thống phân tích khí màu cobas B - ROCHE	Hộp 30 ống	Bionostic s Inc.	USA	ml	612	58.800	Công ty Cỏ phân thiết bị vật tư y tế Thanh Hoà

STT phần	STT mặt hàng	Mã phần (16)	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật môi trường	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Số lượng môi trường	Mã hàng hóa	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật dự thầu	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng dự thầu	Đơn giá từng thầu	Nhà thầu
	1.5		Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 15 thông số điện giải, khí máu và sinh hóa	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 15 thông số điện giải, khí máu và sinh hóa mức sinh hóa mức 3. Phù hợp để sử dụng trên hệ thống phân tích B - ROCHE	Biorostics Inc., USA	612	3321215001	03321215001 COMBITR OL+B, L3	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 15 thông số điện giải, khí máu và sinh hóa mức 3. Phù hợp để sử dụng trên hệ thống phân tích khí máu cobas B - ROCHE	Hộp 30 ống	Biorostics Inc.	USA	ml	612	58.800	Công ty Cổ phần thiết bị vật tư y tế Thanh Hoá
		PP2600046636	02. HÓA CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM PHỤ HỢP DÙNG TRÊN HỆ THỐNG XÉT NGHIỆM MIỀN DỊCH TỶ ĐỘNG COBAS E - ROCHE													
			IVD là chất pha loãng mẫu	Thành phần chính: Đệm huyết thanh ngựa	Roche Diagnostics GmbH, Germany	112	3609987190	03609987190 ELECTSYS DILUENT MULTI ASSAY	Thành phần chính: Đệm huyết thanh ngựa	2 x 16 ml	Roche Diagnostics GmbH	Germany	ml	112	50.073	Công ty Cổ phần thiết bị vật tư y tế Thanh Hoá
2	2.1															
4		PP2600046638	Khoanh giấy kháng sinh Penicillin in	Khoanh giấy được tẩm Penicillin G có nồng độ 10U	Oxoid/ Anh	1000	CT0043B	Penicillin G	Khoanh giấy được tẩm Penicillin G có nồng độ 10U	5 x 50 khoanh/hộp	Oxoid	Anh	Khoanh	1.000	2.510	Công ty Cổ phần thiết bị vật tư y tế Thanh Hoá

STT phần	STT mặt hàng	Mã phần (tổ)	Tên hàng hoá môi trường	Thông số kỹ thuật môi trường	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Số lượng môi trường	Mã hàng hóa	Tên thương mại môi trường	Thông số kỹ thuật dự trữ	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng dự trữ	Đơn giá trữ	Nhà Thầu
5		PP26000 46639	Môi trường nuôi cấy Sabouraud Dextrose Agar	Môi trường có pH axit để nuôi cấy, phân lập các bệnh phẩm da liễu, nấm và nấm men khác. Thành phần bao gồm: Mycological peptone, Glucose	Oxoid/ Anh	500	CM0041B	Sabouraud Dextrose Agar	Môi trường có pH axit để nuôi cấy, phân lập các bệnh phẩm da liễu, nấm và nấm men khác. Thành phần bao gồm: Mycological peptone, Glucose	500 g/hộp	Oxoid	Anh	Gam	500	3.750	Công ty Cổ phần thiết bị vật tư y tế Thanh Hoá
6		PP26000 46640	Môi trường nuôi cấy Blood Agar Base	Môi trường bột Blood Agar Base. Thành phần: Bột Lab-Lemco; Peptone neutralised; Sodium chloride; Agar. pH 7.3 ± 0.2	Oxoid/ Anh	8000	CM0055B	Blood Agar Base	Môi trường bột Blood Agar Base. Thành phần: Bột Lab-Lemco; Peptone neutralised; Sodium chloride; Agar. pH 7.3 ± 0.2	500 g/hộp	Oxoid	Anh	Gam	8.000	4.800	Công ty Cổ phần thiết bị vật tư y tế Thanh Hoá
7		PP26000 46641	Môi trường bột Mueller Hinton Broth	Môi trường thử nghiệm nhạy cảm kháng sinh. Thành phần bao gồm: Beef extract 3 gram, Casein hydrolysate, Starch, trong 1 lít chứa 4032 mg Ca ²⁺ , 3581 mg Mg ²⁺ pH 7.3± 0.1.	Oxoid/ Anh	1000	CM0405B	Mueller Hinton Broth	Môi trường thử nghiệm nhạy cảm kháng sinh. Thành phần bao gồm: Beef extract 3 gram, Casein hydrolysate, Starch, trong 1 lít chứa 4032 mg Ca ²⁺ , 3581 mg Mg ²⁺ pH 7.3± 0.1.	500 g/hộp	Oxoid	Anh	Gam	1.000	11.230	Công ty Cổ phần thiết bị vật tư y tế Thanh Hoá

STT phần	STT mặt hàng	Mã phần (t6)	Tên hàng hoá mới thêm	Thông số kỹ thuật mới thêm	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Số lượng mới thêm	Mã hàng hóa	Tên thương mại/trưng thêm	Thông số kỹ thuật dự thêm	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng dự thêm	Đơn giá trưng thêm	Nhà Thầu
			Phát hiện phản biệt và định tính các kháng nguyên vi rút cúm loại A và loại B trực tiếp từ que phết mũi / họng / mũi-hầu hoặc các mẫu hút từ mũi/mũi-hầu. Độ nhạy; 91.8%, Độ đặc hiệu: 99% so với phương pháp nuôi cấy vi rút và RT-PCR. Có kèm que kiểm chuẩn dương tính cúm A, dương tính cúm B và âm tính (trong hộp test) Thành phần: Vạch chứng Globulin miễn dịch dẻ kháng chuột G Không có khả năng gây nhiễu bởi các chất:					Phát hiện phản biệt và định tính các kháng nguyên vi rút cúm loại A và loại B trực tiếp từ que phết mũi / họng / mũi-hầu hoặc các mẫu hút từ mũi/mũi-hầu. Độ nhạy; 91.8%, Độ đặc hiệu: 99% so với phương pháp nuôi cấy vi rút và RT-PCR. Có kèm que kiểm chuẩn dương tính cúm A, dương tính cúm B và âm tính (trong hộp test) Thành phần: Vạch chứng Globulin miễn dịch dẻ kháng chuột G Không có khả năng gây nhiễu bởi các chất:								
8		PP26000 46642	Bộ xét nghiệm định tính kháng nguyên Influenza A, Influenza B	Abbot Diagnostics Korea Inc./Hàn Quốc	2400	19FK12		Bioline™ Influenza Antigen	Phát hiện phản biệt và định tính các kháng nguyên vi rút cúm loại A và loại B trực tiếp từ que phết mũi / họng / mũi-hầu hoặc các mẫu hút từ mũi/mũi-hầu. Độ nhạy; 91.8%, Độ đặc hiệu: 99% so với phương pháp nuôi cấy vi rút và RT-PCR. Có kèm que kiểm chuẩn dương tính cúm A, dương tính cúm B và âm tính (trong hộp test) Thành phần: Vạch chứng Globulin miễn dịch dẻ kháng chuột G Không có khả năng gây nhiễu bởi các chất:	Hộp 25 test	Abbot Diagnostics Korea Inc	Hàn Quốc	test	2.400	92.500	Công ty Cổ phần thiết bị vật tư y tế Thanh Hóa

STT phần	STT mặt hàng	Mã phần (16)	Tên hàng hoá môi trường	Thông số kỹ thuật môi trường	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Số lượng môi trường	Mã hàng hóa	Tên thương mại tương đương	Thông số kỹ thuật dự thầu	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng dự thầu	Đơn giá trung thầu	Nhà Thầu
9		PP26000 46643	Hóa chất xét nghiệm giun lươn	Hóa chất xét nghiệm giun lươn. Phù hợp để sử dụng trên hệ thống Elisa	Mỹ	192	5012	Strongyloides IgG Elisa Kit	Hóa chất xét nghiệm giun lươn. Phù hợp để sử dụng trên hệ thống Elisa	96 test/hộp	New Life Diagnostics INC	Mỹ	Test	192	45.555	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Y tế An Sinh
9		PP26000 46644	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao. Thành phần ORTHO-PHTHALADE HYDE 0,55%, Benzotriazole 0,01% và các thành phần khác, pH 7.2 - 7.8. Thời gian	Systagenix Wound Management Ltd Anh	92	20391	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao. Thành phần ORTHO-PHTHALADE HYDE 0,55%, Benzotriazole 0,01% và các thành phần khác, pH 7.2 - 7.8. Thời gian	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao. Thành phần ORTHO-PHTHALADE HYDE 0,55%, Benzotriazole 0,01% và các thành phần khác, pH 7.2 - 7.8. Thời gian	Can/3,78 lít	Systagenix Wound Management Ltd Anh	Anh	Can	92	1.050.000	Công ty Cổ phần thiết bị vật tư y tế Thanh Hoá
11		PP26000 46645	Dùng để bảo quản tủy, bảo quản và lưu trữ nội tạng	Dùng để bảo quản sinh nhiệt, dùng cho tủy, bảo quản và lưu trữ nội tạng	Ý	110	không yêu cầu	Dung dịch bảo quản tủy	Seravito Tissue Preservation Solution	Thùng 10 túi x 1000ml	S.A.L.F. S.p.A. Laboratorio Farmacologico	Ý	Túi	110	2.730.000	Công ty Cổ phần Medcomtech

